NGHIÊN CỨU TIÊN TIẾN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH (ELT) – CÁC XU HƯỚNG TOÀN CẦU VÀ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU ĐẶC THÙ TẠI VIỆT NAM (2025-2027)

Đào Thị Huỳnh Ý
Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ
Võ Thị Cẩm Nhung, Trần Văn Bình
Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang

Tóm tắt: *Nghiên cứu khảo sát các xu hướng tiên tiến trong giảng dạy tiếng Anh (ELT) toàn cầu và chỉ ra những khoảng trống nghiên cứu đặc thù tại Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh chuyển dịch từ các mục tiêu truyền thống của Thu nhận Ngôn ngữ Thứ hai (SLA) sang phát triển năng lực toàn diện phù hợp thế kỷ 21, nghiên cứu tập trung làm rõ nhu cầu, thực trạng và định hướng tiếp cận mới cho ELT tại Việt Nam. Dựa trên tổng quan tài liệu quốc tế gần đây và phân tích thực tiễn, bài báo xác định các xu hướng như tích hợp công nghệ trong dạy học, nhấn mạnh năng lực giao tiếp và liên văn hóa, cá nhân hóa học tập, cũng như xu hướng ứng dụng các phương pháp đổi mới như học kết hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, trò chơi hóa… trong ELT. Kết quả cho thấy dù có sự tăng cường tiếp cận toàn cầu, Việt Nam còn thiếu các nghiên cứu sâu về điều kiện triển khai, đào tạo giáo viên và điều chỉnh chương trình phù hợp bối cảnh địa phương. Nghiên cứu đề xuất hướng phát triển: tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiên cứu thực nghiệm về áp dụng công nghệ, và xây dựng mô hình dạy học linh hoạt nhằm thu hẹp khoảng cách giữa xu hướng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam.*

Từ khoá: *Giảng dạy tiếng Anh tiên tiến, xu hướng toàn cầu, khoảng trống nghiên cứu Việt Nam, năng lực thế kỷ 21, tích hợp công nghệ*

ADVANCED RESEARCH IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING (ELT): GLOBAL TRENDS AND CONTEXT-SPECIFIC RESEARCH GAPS IN VIETNAM (2025–2027)

Abstract: *This study examines advanced research directions in English Language Teaching (ELT), highlighting global trends and distinctive research gaps in Vietnam. With ELT shifting from traditional Second Language Acquisition concerns—such as grammar, vocabulary, or optimal learning age—toward comprehensive 21st century competence development, the paper delineates needs, present circumstances, and updated pedagogical approaches for the Vietnamese context. Drawing on recent international literature and practical analyses, the study identifies key trends including technology integration, emphasis on communicative and intercultural competence, personalized learning, and innovative methods such as blended learning, AI-assisted instruction, virtual/augmented reality, and gamification. Findings reveal that despite growing alignment with global directions, Vietnam still lacks in-depth research on implementation conditions, teacher training, and curricula adaptation to local contexts. The paper proposes future directions: strengthening professional development, conducting empirical research on technology adoption, and developing flexible teaching models to narrow the gap between global ELT trends and Vietnam's educational practice.*

Keywords: *Advanced ELT, global trends, research gaps in Vietnam, 21st century competencies, technology integration*

Nhận bài: 17/10/2025 *Phản biện: 13/11/2025* *Duyệt đăng: 17/11/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu giảng dạy tiếng Anh (ELT) hiện đại đang dịch chuyển trọng tâm từ các vấn đề SLA truyền thống (ngữ pháp, từ vựng, độ tuổi tối ưu…) sang phát triển các năng lực tổng thể đáp ứng yêu cầu thế kỷ 21. Các xu hướng nổi bật tập trung vào trí tuệ nhân tạo, học tập dựa trên truy vấn và tư duy phản biện, tự chủ người học, năng lực toàn cầu, kỹ năng liên văn hóa và các năng lực phi nhận thức như tự nhận thức, trí tuệ cảm xúc, kỹ năng liên cá nhân. Tuy nhiên, bối cảnh dạy học tiếng Anh tại Việt Nam vẫn bị chi phối mạnh bởi thi cử, với các kì thi quốc gia nặng về ngữ pháp – từ vựng, tạo nên sự căng thẳng giữa yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện và thực tiễn dạy học mang tính công cụ. Khoảng trống nghiên cứu lớn đặt ra là đánh giá hiệu quả của các can thiệp sư phạm hiện đại (như dạy học dựa trên nhiệm vụ) trong việc dung hòa yêu cầu năng lực toàn diện với khuôn khổ thể chế định hướng thi cử.

Trong bối cảnh đó, việc thiết kế tiêu đề nghiên cứu có vai trò đặc biệt quan trọng để truyền tải chính xác nội dung và tối ưu hóa khả năng được tìm kiếm – trích dẫn. Các tạp chí uy tín ưu tiên tiêu đề mang tính mô tả, nêu rõ đối tượng, bối cảnh, can thiệp và kết quả chính, tránh mơ hồ hoặc lạm dụng thuật ngữ. Mô hình SPICED (Setting, Population, Intervention, Condition, End-point, Design) được xem là khung hữu ích để cấu trúc tiêu đề, nhất là với các nghiên cứu thực nghiệm. Việc xác định rõ bối cảnh, đối tượng (ví dụ: sinh viên EFL Việt Nam),

phương pháp/công cụ (chatbot-based assessment, Culturally Sustaining Pedagogy) và điểm cuối (communicative competence, burnout…) giúp tiêu đề vừa cô đọng vừa giàu thông tin, phù hợp chuẩn mực của các tạp chí hàng đầu trong lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vấn đề trung tâm: trí tuệ nhân tạo (AI) và LLMS trong SLA

Sự phát triển của Trí tuệ Nhân tạo (AI) và các Mô hình Ngôn ngữ Lớn (LLMs) đã trở thành động lực mạnh mẽ nhất cho nghiên cứu ELT trong thập kỷ qua. Việc phát hành các công cụ AI đàm thoại như GPT-4 và Gemini đã thúc đẩy sự gia tăng đáng kể số lượng nghiên cứu về AI trong ELT từ năm 2014 đến năm 2023.

2.1.1. Phân tích Hiện trạng Ứng dụng và Thiết kế LLMs

Ứng dụng của LLMs trong ELT không chỉ giới hạn ở các nhiệm vụ đơn giản mà còn mở rộng sang các công việc phức tạp yêu cầu lập luận, lập kế hoạch, và sử dụng công cụ. Trong lĩnh vực SLA, trọng tâm nghiên cứu đã chuyển sang:

Hội thoại và Đánh giá: Nghiên cứu đã tập trung vào việc thiết kế, phát triển và đánh giá các chatbot dựa trên LLM để luyện hội thoại tiếng Anh. Sự khả thi của việc sử dụng chatbot để đánh giá kỹ năng nói cho sinh viên EFL cấp độ thấp cũng là một lĩnh vực được quan tâm.

Phản hồi Viết học thuật: Việc tích hợp phản hồi do AI tạo ra (AI-based feedback) vào hướng dẫn viết đã cho thấy hiệu quả tích cực. Các nghiên cứu, bao gồm cả những nghiên cứu điển hình tại các trường đại học Việt Nam, cho thấy việc triển khai LLM có thể mang lại những cải thiện đáng kể hơn trong việc phát triển lập luận và tính mạch lạc trong tổ chức bài viết so với các phương pháp truyền thống.

Tuy nhiên, các nghiên cứu mới hiện nay không chỉ dừng lại ở việc đánh giá hiệu quả mà còn đi sâu vào quy trình Thiết kế và Phát triển Nghiên cứu (Design and Development Research - DDR). Điều này bao gồm việc phân tích nhu cầu, thiết lập các nguyên tắc thiết kế, và tinh chỉnh lặp đi lặp lại các chatbot thông qua việc thử nghiệm nhiều LLM và phương pháp điều chỉnh (alignment methods) khác nhau. Mục tiêu cuối cùng là tạo ra các phản hồi chất lượng cao, phù hợp với ngữ cảnh.

2.1.2 Khía cạnh Đạo đức, Văn hóa và Sự Tiếp nhận của Người học

Mặc dù AI mang lại nhiều hứa hẹn, sự tích hợp nó vào bối cảnh EFL Việt Nam lại làm nổi bật các rào cản mang tính văn hóa và đạo đức.

Vấn đề Điều chỉnh AI Địa phương hóa: Một thách thức nổi bật là việc LLMs thiếu tính nhạy cảm văn hóa trong môi trường học thuật địa phương. Sinh viên Việt Nam đã báo cáo sự thất vọng khi AI không nắm bắt được cách xây dựng lập luận theo phong cách học thuật của họ. Thậm chí, AI còn đề xuất thay đổi các từ ngữ trang trọng mà họ thường sử dụng trong văn bản hàn lâm. Điều này cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở khả năng ngôn ngữ của AI mà còn ở sự điều chỉnh (alignment) của mô hình đối với các chuẩn mực ngôn ngữ và cấu trúc tranh luận của địa phương. Để AI có thể trở thành một công cụ sư phạm hiệu quả và được chấp nhận rộng rãi, các nghiên cứu cần tập trung vào việc phát triển các chiến lược điều chỉnh (alignment) hoặc huấn luyện AI để nhận diện và tôn trọng các chiến lược lập luận và văn phong học thuật của người học Việt Nam.

Hơn nữa, việc thiết kế các công cụ AI cần xem xét các cơ chế phản hồi thích ứng và khả năng tùy chỉnh tính cách (AI personas) để tăng cường trải nghiệm người dùng. Điều này đặc biệt quan trọng vì việc mất mát công việc (lỗi kỹ thuật) và các gợi ý đôi khi mâu thuẫn nhau cũng là những thách thức về mặt kỹ thuật mà người học đã gặp phải khi sử dụng công cụ.

2.1.3. Khoảng trống Đào tạo và Bản sắc Giáo viên trong Kỷ nguyên AI

Việc áp dụng AI không thể thành công nếu không có sự chuẩn bị và hỗ trợ đầy đủ cho đội ngũ giáo viên. Đáng chú ý là 54% giáo viên được khảo sát cảm thấy họ chưa được đào tạo đầy đủ về cách sử dụng AI.

Giáo viên kỳ cựu (veteran EFL teachers) tại Việt Nam nhận thức rõ về lợi ích của các công cụ AI , nhưng họ cũng đối mặt với những thách thức đáng kể về trình độ kỹ thuật số do tuổi tác và những lo ngại về đạo đức liên quan đến việc sử dụng AI trong giảng dạy. Sự xuất hiện của công nghệ mới này buộc giáo viên phải liên tục thương lượng và tái định nghĩa bản sắc chuyên môn của mình, dẫn đến sự hình thành các bản sắc khác nhau như "technological-learners who teach". Sự tái cấu trúc bản sắc này không chỉ là vấn đề năng lực giảng dạy mà còn là quá trình điều hướng các cấu trúc thể chế, quản lý kỳ vọng văn hóa xã hội, và duy trì mục đích nghề nghiệp.

Mặc dù giáo viên có nhận thức cao về tính hữu ích của AI , khoảng cách vẫn tồn tại giữa nhận thức này và khả năng áp dụng sư phạm thực tế. Do đó, các nghiên cứu cần chuyển trọng tâm từ việc chỉ đơn thuần đo lường mức độ sử dụng AI sang

đánh giá hiệu quả của việc tích hợp AI dựa trên khung Lý thuyết Kiến thức Nội dung Sư phạm Công nghệ (TPACK). Điều này đảm bảo rằng các công cụ AI được sử dụng không chỉ vì chúng có sẵn mà còn vì chúng phù hợp với mục tiêu sư phạm và nội dung giảng dạy. Nghiên cứu sâu hơn cần hướng tới việc xây dựng các khung Phát triển Chuyên môn (PD) có cấu trúc, tuần tự , dựa trên niềm tin và triết lý giảng dạy của giáo viên , nhằm hỗ trợ việc tích hợp AI một cách có đạo đức và hiệu quả trong giáo dục bậc cao của Việt Nam.

2.2. Phân tích các thách thức nền tảng của người học EFL Việt Nam

Để nâng cao năng lực giao tiếp và học thuật cho người học EFL Việt Nam, việc giải quyết các thách thức cơ bản trong SLA và phát triển kỹ năng nhận thức bậc cao là không thể thiếu.

2.2.1. Rào cản Chuyển giao Ngôn ngữ (L1 Transfer) và Năng lực Giao tiếp

Những khó khăn trong việc học tiếng Anh của sinh viên Việt Nam thường bắt nguồn từ các thách thức liên quan đến ngôn ngữ học, demands cao từ giáo viên và chương trình giảng dạy, cùng với các yếu tố cá nhân như sự thiếu sót và động lực. Cụ thể:

Ngữ pháp và Cú pháp: Lỗi ngữ pháp bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi cấu trúc câu tiếng Việt. Người học thường mặc định sử dụng cấu trúc cú pháp tiếng Việt, dẫn đến các lỗi phổ biến như sai thứ tự từ, sai thì và cách sử dụng giới từ. Đặc biệt, việc sinh viên chuyển giao các động từ không chia thì và thì/khía cạnh ngụ ý từ tiếng Việt sang tiếng Anh được coi là rắc rối lớn.

Ngữ âm và Giao tiếp Khẩu ngữ: Sự khác biệt về hệ thống âm vị giữa tiếng Việt và tiếng Anh gây ra các khó khăn về ngữ âm, đặc biệt là các đặc điểm siêu đoạn tính (suprasegmental features) như trọng âm, ngữ điệu và cao độ. Sự bất an khi nói tiếng Anh với người bản xứ là một trở ngại tâm lý phổ biến. Sự thiếu năng lực trong các lĩnh vực ngôn ngữ khác (như phát âm không chính xác và giới hạn từ vựng) có thể dẫn đến nỗi sợ mắc lỗi khi tương tác.

Mối liên hệ giữa những khó khăn về ngôn ngữ học và tâm lý người học là một điểm cần được làm rõ. Các lỗi ngôn ngữ học cơ bản (ngữ âm, từ vựng) cản trở hiệu suất giao tiếp, dẫn đến giảm sự tự tin và gia tăng lo lắng khi nói. Điều này củng cố nhu cầu nghiên cứu không chỉ về can thiệp ngôn ngữ (ví dụ: Phân tích Đối chiếu Ngữ âm để thiết kế hướng dẫn ngữ pháp mục tiêu) mà còn về các chiến lược giảm lo lắng, nhằm tăng cường tính kiên cường (resilience) và năng lực tương tác khẩu ngữ của người học.

2.2.2. Tư duy Phản biện (Critical Thinking) và Kỹ năng Đọc hiểu Phê phán

Tư duy phản biện (CT) đã được công nhận là một kỹ năng học thuật quan trọng, đặc biệt trong việc giảng dạy và học tập kỹ năng viết học thuật. Mặc dù đã có sự quan tâm ngày càng tăng đối với việc tích hợp CT vào ELT tại Việt Nam , sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc áp dụng hiệu quả nó vào thực tiễn.

Thách thức trong Critical Reading (CR): Các nghiên cứu tại các trường đại học Việt Nam chỉ ra rằng sinh viên có xu hướng phụ thuộc vào khả năng nhận thức cấp thấp (lower-level cognitive abilities) thay vì tích cực tham gia vào tư duy phản biện cấp cao. Các rào cản được xác định bao gồm trình độ ngôn ngữ chưa đủ, sự hiểu biết hạn chế về các chiến lược CR, và sự thiếu hụt các nhiệm vụ CR đa dạng và hấp dẫn.

Vấn đề Chuyển giao Kỹ năng: Một phát hiện quan trọng là mặc dù sinh viên đại học Việt Nam có mức độ CT cao, nhưng mối quan hệ thống kê giữa CT và khả năng viết luận lập luận của họ lại không đáng kể. Điều này cho thấy các phương pháp giảng dạy hiện tại có thể thúc đẩy sự phát triển nhận thức, nhưng lại thất bại trong việc tạo ra cầu nối để sinh viên áp dụng các kỹ năng nhận thức này vào kỹ năng ngôn ngữ khác, đặc biệt là viết học thuật.

Do đó, các nghiên cứu cần tập trung vào việc thiết kế sư phạm để thúc đẩy việc sử dụng chiến lược (strategies) CT và CR một cách có chủ đích. Việc coi CT là một khái niệm "văn hóa phương Tây" không nên là lý do để loại bỏ nó, mà là cơ sở để phát triển các chiến lược giàn giáo tinh tế (delicate scaffolding) và giảng dạy nhạy cảm văn hóa (culturally sustaining pedagogy) , giúp người học Việt Nam kết nối tư duy phản biện với các chuẩn mực học thuật địa phương.

2.3. Đổi mới sư phạm và hỗ trợ phát triển chuyên môn

Để giải quyết những thách thức cố hữu về văn hóa và thể chế, các nghiên cứu cần đánh giá tính khả thi và điều chỉnh các phương pháp sư phạm tiên tiến trong bối cảnh Việt Nam.

2.3.1. Đánh giá Tính Khả thi của Các Phương pháp Hướng Giao tiếp (TBLT, CLT)

Mặc dù Giảng dạy Ngôn ngữ Dựa trên Nhiệm vụ (TBLT) và Cách tiếp cận Giao tiếp (CLT) đã được ủng hộ trong chương trình giảng dạy quốc gia Việt Nam nhằm mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp , nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra rằng việc triển khai chúng còn bị hạn chế, thường là "lý

thuyết hơn là thực tế". Sự không phù hợp giữa các nguyên tắc CLT/TBLT với văn hóa học tập địa phương là một rào cản lớn.

Nghiên cứu so sánh cho thấy khi TBLT được triển khai một cách thích hợp, người học có thể vượt trội đáng kể so với những người học theo phương pháp Presentation-Practice-Production (PPP) truyền thống về mức độ hiệu quả giao tiếp. Do đó, thay vì chỉ đặt câu hỏi về tính phù hợp của TBLT/CLT, các nghiên cứu hiện tại cần đi sâu vào sự trung thực trong triển khai (implementation fidelity) và các chiến lược hóa giải văn hóa (cultural mediation) để đảm bảo các phương pháp này được áp dụng hiệu quả trong môi trường hướng thi cử.

Ngoài ra, Corpus Linguistics (CL) mang lại một phương pháp tiếp cận thực nghiệm mạnh mẽ. CL có thể được sử dụng để phân tích các mẫu sử dụng ngôn ngữ đích thực (authentic language usage patterns). Ví dụ, các corpus về giao tiếp của sinh viên (Student Talk Corpora) có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về hồ sơ từ vựng và sự xuất hiện của các cụm từ cố định (core formulaic sequences) trong lời nói của người học, tạo ra các gợi ý hữu ích cho việc thiết kế hoạt động phát triển từ vựng.

2.3.2. Học tập Kết hợp (Blended Learning) và Ảnh hưởng Văn hóa

Học tập Kết hợp (Blended Learning - BL) đã được đề xuất như một giải pháp để nâng cao năng lực ngôn ngữ và kỹ năng công nghệ của sinh viên tại các trường đại học Việt Nam. BL có tiềm năng tạo ra các môi trường học tập hấp dẫn và hiệu quả.

Tuy nhiên, việc triển khai BL, vốn thường đòi hỏi mức độ tự chủ người học cao, lại bị cản trở bởi các yếu tố văn hóa-xã hội, đặc biệt là truyền thống giảng dạy Nho giáo. Nền văn hóa học thuật này có thể làm giảm chất lượng triển khai BL.

Do đó, các nghiên cứu cần tập trung vào việc thiết kế các can thiệp sư phạm nhằm dần dần chuyển giao trách nhiệm học tập, thay vì đột ngột áp đặt tính tự chủ. Việc phát triển một khung quản lý giúp giảng viên xử lý các yếu tố cá nhân, thể chế và văn hóa-xã hội là cần thiết để triển khai BL một cách hiệu quả. Đây là một vấn đề quan trọng nhằm hỗ trợ người học trong việc phát triển năng lực cá nhân hóa (personalized learning) trong một môi trường chịu ảnh hưởng lớn từ các rào cản văn hóa truyền thống.

III. KẾT LUẬN

Phân tích chuyên sâu cho thấy định hướng nghiên cứu ELT tại Việt Nam trong giai đoạn 2025-2027 cần tập trung vào việc tạo ra sự hài hòa giữa các xu hướng toàn cầu và các thách thức bản địa. Ba lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên là:

AI Địa phương hóa: Nghiên cứu cần chuyển từ việc đánh giá chung về AI sang việc phát triển và thử nghiệm các hệ thống AI (LLM-based) được điều chỉnh theo ngữ cảnh văn hóa và học thuật của Việt Nam. Sự thành công của AI sẽ phụ thuộc vào khả năng của nó trong việc hỗ trợ các mục tiêu sư phạm mà không làm xói mòn tính toàn vẹn đạo đức hoặc bản sắc học thuật địa phương.

Chuyển giao Kỹ năng Nhận thức Bậc cao: Cần có các nghiên cứu thực nghiệm nhằm thiết kế và đánh giá các can thiệp sư phạm chuyên biệt (ví dụ: giàn giáo chiến lược CR, TBLT được điều chỉnh) để giúp người học không chỉ có các kỹ năng (như CT) mà còn áp dụng chúng vào năng lực ngôn ngữ thực tế.

Hỗ trợ Giáo viên Toàn diện: Việc hỗ trợ Phát triển Chuyên môn (PD) cho giáo viên cần được định hướng bởi triết lý giảng dạy và niềm tin cá nhân của họ , chứ không đơn thuần là đào tạo công nghệ từ trên xuống. Việc này bao gồm việc cung cấp các khung chiến lược để giáo viên quản lý các yếu tố văn hóa cản trở việc áp dụng các phương pháp đổi mới (ví dụ: Blended Learning, TBLT).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Barnard, R., & Nguyen, G. V. (2010). Task-based language teaching (TBLT): A Vietnamese case study using narrative frames to elicit teachers' beliefs. Language Education in Asia, 1(1), 77–86.

Le, H. V., Nguyen, T. A. D., Le, D. H. N., Nguyen, P. U., & Nguyen, T. T. A. (2024). Unveiling critical reading strategies and challenges: a mixed-methods study among English major students in a Vietnamese higher education institution. Cogent Education, 11(1). https://doi.org/10.1080/2331186X.2024.2326732 [1]

Nguyễn, D. L. (1967). A contrastive phonological analysis of English and Vietnamese.

Nguyen, H. H. (2025). ChatGPT-assisted language learning: Effects on Vietnamese English majors' writing skills and motivation. JALT CALL Journal, 21(2). https://doi.org/10.29140/jaltcall.v21n2.102429

Satvati, N., Kamali, J., Safian Boldaji, F., Khodadadi, M., & Akhondi, S. (2025). AI Integration into language education and teacher identity: An ecological perspective. Language Teaching Research Quarterly, 47, 1–19. https://doi.org/10.32038/ltrq.2025.47.01